TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2017/DS-PT
Ngày 28 - 11 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng
Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Mạnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2017/DSPT ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 67/2017/DSST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2017/QĐ-PT ngày 14/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị B – Sinh năm 1969; trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị D – Sinh năm 1967; trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Lê Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:***

Ngày 01/01/2015, bà Lê Thị B cho bà Lê Thị D vay số tiền 85.000.000 đồng và hẹn thời hạn trả nợ là cuối năm 2015 (tức là ngày 31/12/2015) sẽ trả, thỏa thuận lãi suất 10%/năm. Hai bên có viết giấy vay và trong giấy vay có ghi số tiền nợ tiền lãi năm 2010 là 10.000.000 đồng, số tiền nợ lãi này bà Lê Thị D có hẹn đến tháng 4/2015 sẽ trả bớt. Nhưng kể từ khi vay đến nay, bà Lê Thị D chưa trả cho bà B tiền

gốc đã vay là 85.000.000 đồng, tiền lãi vay và tiền nợ tiền lãi 10.000.000 đồng năm 2014. Lúc vay bà D nói vay tiền về xây nhà, bà B không biết bà D có sử dụng số tiền đã vay vào việc xây nhà hay không. Số tiền nói trên bà B cho bà D vay thì chồng bà B không biết, sau này khởi kiện ra Tòa án thì chồng tôi mới biết nên vợ chồng tôi không yêu cầu Tòa án phải đưa chồng tôi vào tham gia tố tụng, còn đối với chồng bà D, tôi chỉ cho bà D vay chứ không cho chồng bà D nên tôi chỉ khởi kiện bà D chứ không khởi kiện chồng bà D nên đề nghị Tòa án không đưa chồng bà D vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà B số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng và tiền lãi suất kể từ ngày vay đến ngày xét xử là 9%/năm và phải trả cho bà B số tiền nợ lãi của năm 2014 là 10.000.000 đồng.

**** Bị đơn bà Lê Thị D trình bày:***

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn là bà Lê Thị D thừa nhận còn nợ bà Lê Thị B tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 115.102.500 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Do hoàn cảnh gia đình hiện nay đang gặp khó khăn nên bà D đề nghị bà B cho bà D được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng. Bên cạnh đó, bà D còn cho rằng số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng là bao gồm cả tiền nợ lãi mà bà D của nợ bà B.

Tại bản án DSST số 67/2017/DSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tuyên xử:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 162, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B. Buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ vay 85.000.000 đồng, tiền lãi suất 20.102.500 đồng và số tiền 10.000.000 đồng nợ lãi của năm 2014. Tổng cộng bà Lê Thị D phải trả cho bà Lê Thị B số tiền là: 115.102.500 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án, thời hạn và thỏa thuận thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2017, bị đơn bà Lê Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm lại bản án sơ thẩm số 67/2017/DSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị B vẫn giữ nguyên nội dung

đơn khởi kiện, bị đơn bà Lê Thị D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn là bà Lê Thị D thừa nhận còn nợ bà Lê Thị B tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 115.102.500 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Do hoàn cảnh gia đình hiện nay đang gặp khó khăn nên bà D đề nghị bà B cho bà D được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng, tuy nhiên đề nghị của bà D không được bà B chấp nhận.

Bên cạnh đó, bà D còn cho rằng số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng mà bà D ghi trong giấy vay tiền là bao gồm cả tiền nợ lãi mà bà D của nợ bà B nhưng lại không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh và bà B cũng không thừa nhận.

[2] Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị D – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 67/2017/DSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án;

1. **Tuyên xử**: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2017/DSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B. Buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ vay 85.000.000 đồng, tiền lãi suất 20.102.500 đồng và số tiền 10.000.000 đồng nợ lãi của năm 2014. Tổng cộng bà Lê Thị D phải trả cho bà Lê Thị B số tiền là: 115.102.500 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về chi phí giám định chữ ký và chữ viết: Bà Lê Thị D phải nộp 3.600.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký và chữ viết. Bà Lê Thị B được nhận lại 3.600.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký và chữ viết sau khi thu được tiền của bà Lê Thị D.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị D phải nộp 5.755.125 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000446 ngày 19/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Lê Thị B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 2.375.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Thanh D đã nộp thay bà Lê Thị B theo biên lai thu số: AA/2014/0041333 ngày 22/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung